TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/DSST
Ngày: 10/10/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khá và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2013/TLST - DS ngày 18 tháng 3 năm 2013 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2019/QĐST - DS ngày 18/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; nơi cư trú: đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Yêu cầu xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Ung Văn K, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông NLQ1, sinh năm 1963; nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Bà NLQ2, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Bà NLQ3, sinh năm 1989; sinh năm 1989; Nơi ĐKTT: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở: đường số nn, khu đô thị L, TP. N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. Bà NLQ4, sinh năm 1963; nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

5. Ông NLQ5, sinh năm 1982; Nơi ĐKTT: thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2013 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày được tóm tắt như sau:* Yêu cầu ông Ung Văn K và NLQ1 trả nợ tiền gốc mua xe 12.340.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày mua xe đến khi trả xong nợ nhưng ngày 01/12/2011, bà NLQ3 trả được 800.000đ (phiếu thu ngày 01/12/2011); ngày 01/8/2019, bà NLQ2 và bà NLQ4 trả được 12.000.000đ (giấy xác nhận nợ ngày 01/8/2011) nên đề nghị Tòa xem xét, giải quyết theo pháp luật. .

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Ung Văn K trình bày được tóm tắt như sau:* Vào ngày 25/5/2010, ông đến cửa hàng Thanh S ở thành phố Tuy Hòa mua trả góp 01 chiếc xe mô tô hiệu Suvina, không nhớ rõ biển số. Cha ông - NLQ1 không có ký kết Hợp đồng mua bán xe với tư cách người bảo lãnh và cũng không biết gì về việc mua xe. Chiếc xe giá trị 9.500.000đ tuy nhiên bà S tính lãi trả góp trong vòng 02 năm tổng cộng là 12.340.000đ, mỗi tháng trả chưa đến 500.000đ. Về nội dung trong Hợp đồng mua xe trả góp ngày 25/5/2010 do nhân viên bà S viết, còn chữ ký người mua xe không phải ông ký tuy nhiên thực tế ông có mua xe và còn nợ số tiền nêu trên nên ông đồng ý trả nợ gốc 12.340.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật cho bà S.

Tuy nhiên, trước đây vào ngày 01/12/2011, NLQ3 (em gái) thay mặt ông trả số tiền 800.000đ và ngày 01/8/2019, bà NLQ4 (mẹ), NLQ2 (em gái) trả số tiền 12.000.000đ. Do đó, số tiền đã trả nêu trên khi xét xử đề nghị Tòa án trừ vào số tiền lãi , nếu dư thì trừ vào tiền gốc.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ3 trình bày được tóm tắt như sau:* Do trước đây anh Ung Văn K mua trả góp của Doanh nghiệp Thanh S 01 chiếc xe hiệu Suvina, số khung nnn, số máy mmm, biển số xe không nhớ còn nợ lại 12.340.000đ. Vì vậy, ngày 01/12/2011 bà mới thay mặt ông K trả nợ tiền mua xe cho bà S 800.000đ. Số tiền đã trả đề nghị Tòa án trừ vào số tiền nợ mua xe cho anh K khi xét xử. Ngoài ra, bà không ý kiến hay yêu cầu gì khác. Bà xin phép được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ hôm nay cho đến khi có bản án và đề nghị Tòa án căn cứ vào lời trình bày của bà để giải quyết, không khiếu nại hay tranh chấp gì về sau.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 trình bày được tóm tắt như sau:*

Do trước đây anh Ung Văn K mua trả góp của Doanh nghiệp Thanh S 01 chiếc xe hiệu Suvina, số khung nnn, số máy mmm, biển số xe không nhớ còn nợ lại 12.340.000đ. Số tiền 12.000.000đ bà và bà NLQ4 trả ngày 01/8/2019 là thay mặt K trả nợ cho bà S nên đề nghị Tòa án trừ vào số tiền anh K còn nợ bà S khi xét xử. Bà không ý kiến hay tranh chấp gì.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ4 vắng mặt nên không trình bày.*

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ5 trình bày được tóm tắt như sau:* Ông là nhân viên của Doanh nghiệp Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân Thanh S bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà S giữ).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 428, 438, 461 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S buộc ông Ung Văn K trả 12.340.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật. Tuy nhiên số tiền đã trả 12.800.000đ trừ vào tiền lãi, nếu dư trừ vào tiền gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về hợp đồng mua bán tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hồ Thị Thanh S có ghi yêu cầu giải quyết vắng mặt vào biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Cùng với việc khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản gốc Hợp đồng mua xe máy trả góp lập ngày 25/5/2010, theo đó: Người mua xe là ông Ung Văn K; đối tượng mua bán là xe hiệu Suvina có số khung nnn, số máy mmm, biển số xe 78M1-5189; số tiền còn nợ 12.340.000đ, thời gian góp 24 tháng, mỗi tháng góp 493.000đ, thời gian góp tính từ ngày 25/5/2010, các bên cam kết *"trả chậm sẽ*

chịu phạt số tiền bằng 2%/tháng, khi mua xe thì bên mua phải ủy quyền cho nhân viên của bà S đứng tên chủ sở hữu xe, kể từ ngày ký hợp đồng chiếc xe là tài sản sở hữu của bà S, khi nào trả hết nợ cho bà S thì nhân viên ký giấy bán có xác nhận của chính quyền địa phương, bà S hết trách nhiệm về mặt giấy tờ đối với bên mua, tiền sang tên trước bạ lần 2 bên mua chịu". Tòa án đã yêu cầu bà S cung cấp chứng cứ chứng minh quyền sở hữu đối với xe mô tô hiệu Suvina có số khung nnn, số máy mmm (Giấy đăng ký xe) nhưng bà S không cung cấp.

Căn cứ Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 06/3/2019, Công an huyện Đ cung cấp thông tin chủ xe mô tô 78M1-5189 là ông NLQ5 (sinh năm 1982, trú tại: thôn T, xã H, huyện Đ, Phú Yên). Ông NLQ5 thừa nhận: Ông NLQ5 là nhân viên Doanh nghiệp tư nhân thương mại (DNTNTM) Thanh S được bà S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng, khi khách hàng trả hết tiền thì ông liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô do Doanh nghiệp Thanh S bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà S giữ). Do đó, xe mô tô biển số 78M1-nn mà DNTNTM Thanh S bán cho ông K thuộc quyền sở hữu của bà S. Lời trình bày của ông NLQ5 phù hợp với nội dung trong Hợp đồng mua xe máy trả góp lập ngày 25/5/2010 giữa DNTNTM Thanh S và ông Ung Văn K nên Tòa án công nhận hợp đồng mua bán này có hiệu lực pháp luật.

[3] Thực hiện hợp đồng: Bà Hồ Thị Thanh S và ông Ung Văn K đều thống nhất ông Ung Văn K mua xe trả góp đến ngày 25/5/2010 còn nợ 12.340.000đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc ông K phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền mua xe còn nợ là 12.340.000đ.

Về tiền lãi chậm trả tiền: Trong Hợp đồng mua bán xe máy trả góp, 02 bên thỏa thuận thời gian góp 24 tháng, kể từ ngày giao nhận xe ngày 25/5/2010, trả chậm sẽ chịu phạt số tiền bằng 2%/tháng. Về thỏa thuận lãi suất chậm trả tiền 2%/tháng là vượt quá quy định nên điều chỉnh lại mức lãi suất chậm trả tiền bằng 150% lãi suất cơ bản 9%/năm (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010).

Tiền lãi phải trả từ ngày 25/5/2010 đến ngày 10/10/2019 là: 12.340.000đ x 1.125%/tháng x 09 năm 4 tháng 15 ngày = 15.617.812đ; ngày 01/12/2011 trả 800.000đ và ngày 01/8/2019 trả 12.000.000đ, số tiền đã trả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trừ vào tiền lãi nên tiền lãi còn phải trả cho bà S là 2.817.812đ.

Tổng cộng tiền nợ bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 12.340.000đ + 2.817.812đ = 15.157.812đ.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc ông NLQ1 phải trả nợ: Trong Hợp đồng mua bán xe ngày 25/5/2010 giữa ông Ung Văn K với DNTNTM Thanh S thì trong phần bảo lãnh có ghi tên ông NLQ1 nhưng không có người ký tên vào hợp đồng phần người bảo lãnh; ông NLQ1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày về việc có bảo lãnh cho ông Ung Văn K khi mua xe trả góp hay không; ông

K trình bày ông NLQ1 không ký kết và không liên quan đến hợp đồng mua bán xe máy trả góp giữa ông K với DNTNTM Thanh S; bà S khởi kiện yêu cầu ông NLQ1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh trách nhiệm trả nợ của ông NLQ1 nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà S về việc buộc ông NLQ1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi ông K thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78M1 - nn thì bà S và ông NLQ5 có trách nhiệm hoàn tất thủ tục đăng ký và chuyển quyền sở hữu xe cho ông K, ông K phải chịu lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 428, 431, 432, 438, 439, 461 và 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S, buộc ông Ung Văn K phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S khoản tiền nợ của hợp đồng mua xe máy trả góp ngày 25/5/2010 là 15.157.812đ *(mười lăm triệu một trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm mười hai đồng)*. Trong đó: Tiền gốc 12.340.000đ *(mười hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)*; tiền lãi 2.817.812đ *(hai triệu tám trăm mười bảy nghìn tám trăm mười hai đồng)*.

[2] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 11/10/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S về việc buộc ông NLQ1 phải cùng ông Ung Văn K trả khoản tiền nợ của hợp đồng mua bán xe máy trả góp ngày 25/5/2010.

Sau khi ông Ung Văn K trả hết nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78M1-nn, số khung RMNWCH5MN8Hnnn, số máy LFAV1P52FMH36Lmmmthì bà Hồ Thị Thanh S và ông NLQ5 phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục sang tên cho ông K; lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 do ông K nộp.

[3] Về án phí: Ông Ung Văn K phải nộp 757.000đ *(bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền

308.000đ *(ba trăm linh tám nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 10398 ngày 11 tháng 3 năm 2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thu